ĐẢM BẢO QUYỀN RIÊNG TƯ CHO NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN TRONG QUÁ TRÌNH GIÁM SÁT ĐIỆN TỬ NGOÀI CỘNG ĐỒNG - KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

NGUYỄN NAM TRUNG
ĐẶNG VŨ MINH HOÀNG
NGUYỄN DƯƠNG MỸ TIÊN
NGÔ HOÀNG LONG
Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. Hồ Chí Minh

Nhận bài ngày 02/4/2025. Sửa chữa xong 07/4/2025. Duyệt đăng 13/4/2025.

Abstract

This paper explores the challenges in protecting minors' privacy during community-based electronic monitoring in Vietnam. Through comparative analysis of international experiences (EU, USA, Japan) and a review of Vietnamese law, the research identifies significant legal gaps in data collection limits, storage, and independent oversight. Findings highlight the need for specific legal frameworks to safeguard minors' privacy, aligned with international standards. The paper proposes concrete legislative reforms to ensure that electronic monitoring balances public security needs with children's fundamental rights.

Keywords: *Electronic monitoring, Privacy rights, Juvenile justice, Personal data protection, Child-friendly justice.*

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, việc áp dụng các biện pháp thay thế giam giữ, đặc biệt là giám sát điện tử đối với người chưa thành niên vi phạm pháp luật, đang trở thành xu hướng của tư pháp hình sự hiện đại [6]. Tại Việt Nam, Luật Tư pháp người chưa thành niên (2023) quy định giám sát điện tử như biện pháp ngăn chặn thay thế tạm giam [1]. Tuy nhiên, biện pháp này đặt ra nhiều thách thức về quyền riêng tư của trẻ em [7], [2]. Trên thế giới, nhiều quốc gia như Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc còn tranh luận về hiệu quả và hợp pháp của giám sát điện tử với người chưa thành niên [6][2]. Một số nước đã ban hành quy định chặt chẽ để giới hạn phạm vi, thời gian áp dụng, đảm bảo quyền con người, nhất là quyền riêng tư [5][4]. Việc nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và hoàn thiện pháp luật Việt Nam là cần thiết để bảo vệ quyền trẻ em và cân bằng với yêu cầu quản lý xã hội.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái quát về quyền riêng tư cho người chưa thành niên trong quá trình giám sát điện tử ngoài cộng đồng

2.1.1. Quyền riêng tư

Quyền riêng tư (Right to Privacy) là một trong những quyền cơ bản và thiết yếu của con người, được thừa nhận rộng rãi trong các văn kiện pháp lý quốc tế cũng như pháp luật quốc gia [10]. Quyền riêng tư thể hiện quyền của mỗi cá nhân được sống và phát triển trong môi trường không bị can thiệp một cách tùy tiện hoặc bất hợp pháp vào đời sống cá nhân, gia đình, nơi ở, thông tin cá nhân và danh dự [10]. Theo quy định tại Điều 12 của Tuyên ngôn Quốc tế về Nhân quyền năm 1948 và Điều 17 của Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966, không ai bị can thiệp bất hợp pháp vào đời sống riêng tư, gia đình, nhà ở hoặc thư tín, và mọi người đều có quyền được pháp luật bảo vệ trước các

Email: trungnn@uef.edu.vn

hành vi xâm phạm quyền riêng tư [10]. Như vậy, quyền riêng tư về bản chất là quyền kiểm soát thông tin cá nhân, quyền được quyết định về việc chia sẻ hay giữ kín các thông tin liên quan đến bản thân, và là quyền ngăn chặn mọi hành vi thu thập, sử dụng, phổ biến thông tin cá nhân một cách trái phép, không minh bạch hoặc vượt quá mục đích hợp pháp.

2.1.2. Giám sát điện tử

Giám sát điện tử là biện pháp sử dụng các thiết bị công nghệ hiện đại để theo dõi, kiểm soát vị trí, hành vi của người vi phạm pháp luật mà không cần áp dụng biện pháp giam giữ truyền thống [6]. Trong tố tụng hình sự, đây là một biện pháp ngăn chặn thay thế tạm giam, cho phép giám sát người chưa thành niên là bị can, bị cáo ngoài cộng đồng [1]. Theo Luật Tư pháp người chưa thành niên hiện hành, giám sát điện tử chỉ được áp dụng khi không cần thiết phải giam giữ, căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi và nhân thân người chưa thành niên [1]. Các hình thức giám sát phổ biến gồm vòng đeo điện tử, thiết bị định vị GPS, phần mềm giám sát hành vi cá nhân. Dữ liệu thu thập bao gồm vị trí, lịch trình, thời gian, địa điểm di chuyển, thậm chí thông tin liên lạc, tiếp xúc xã hội [2], [7].

2.1.3. Nội dung quyền riêng tư của người chưa thành niên trong quá trình áp dụng giám sát điện tử

Quyền riêng tư của người chưa thành niên là bộ phận của quyền riêng tư nói chung, nhưng được bảo vệ nghiêm ngặt hơn do đặc thù lứa tuổi [4]. Theo Điều 16 Công ước quốc tế về Quyền trẻ em và Hướng dẫn của Hội đồng châu Âu về Công lý thân thiện với trẻ em, quyền riêng tư của người chưa thành niên bao gồm các nội dung sau: Thứ nhất, quyền không bị can thiệp trái phép vào đời sống cá nhân, gia đình, đảm bảo không bị theo dõi, xâm nhập vào các mối quan hệ riêng tư [4]. Thứ hai, quyền bảo vệ thông tin cá nhân, bao gồm tên tuổi, địa chỉ, sức khỏe, vị trí, hành vi. Thông tin này phải được giữ bí mật, không thu thập, lưu trữ, chia sẻ trái phép hoặc vượt quá mục đích [5], [4]. Thứ ba, quyền kiểm soát thông tin cá nhân, được biết ai thu thập, mục đích gì, và có quyền đồng ý hoặc từ chối thông qua đại diện hợp pháp. Người chưa thành niên cũng có quyền yêu cầu chỉnh sửa, xóa bỏ thông tin sai lệch [5], [4]. Thứ tư, quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín, bảo đảm thông tin cá nhân không bị lợi dụng gây tổn hại, kỳ thị [4]. Thứ năm, quyền tiếp cận cơ chế khiếu nại, yêu cầu bảo vệ khi quyền riêng tư bị xâm phạm và được hỗ trợ pháp lý cần thiết [4].

2.2. Kinh nghiệm quốc tế trong việc đảm bảo quyền riêng tư của người chưa thành niên trong quá trình áp dụng giám sát điện tử ngoài cộng đồng

2.2.1. Liên minh Châu Âu (EU)

Liên minh châu Âu là khu vực có hệ thống pháp luật tiên tiến về bảo vệ quyền con người, trong đó đặc biệt chú trọng đến quyền riêng tư và bảo vệ dữ liệu cá nhân của trẻ em. Trong bối cảnh nhiều quốc gia thành viên bắt đầu triển khai biện pháp giám sát điện tử như một giải pháp thay thế tạm giam, EU đã nhận diện những nguy cơ xâm phạm quyền riêng tư, tác động tiêu cực tới sự phát triển của trẻ em khi bị theo dõi 24/7 bởi thiết bị điện tử. Do đó, EU ban hành Quy định chung về bảo vệ dữ liệu (GDPR) như một công cụ pháp lý toàn diện để điều chỉnh vấn đề này [5].

GDPR quy định rõ nguyên tắc hạn chế mục đích (purpose limitation), theo đó dữ liệu cá nhân của người chưa thành niên chỉ được thu thập cho các mục đích rõ ràng, hợp pháp và được thông báo minh bạch. Đồng thời, nguyên tắc tối thiểu hóa dữ liệu (data minimization) yêu cầu chỉ thu thập những thông tin thực sự cần thiết, không mở rộng thu thập dữ liệu ngoài phạm vi phục vụ giám sát điện tử. Người chưa thành niên có quyền được biết thông tin nào đang bị thu thập, quyền từ chối hoặc đồng ý (thông qua đại diện hợp pháp), quyền yêu cầu xóa hoặc chỉnh sửa dữ liệu sai lệch. Ngoài ra, GDPR còn đặt ra nguyên tắc giới hạn thời gian lưu trữ, theo đó dữ liệu thu thập trong quá trình giám sát điện tử phải được hủy bỏ ngay sau khi biện pháp này kết thúc.

Việc thực thi GDPR được giám sát bởi Cơ quan Bảo vệ Dữ liệu cá nhân (Data Protection Authorities - DPA) ở mỗi quốc gia thành viên. Các cơ quan này có quyền kiểm tra, thanh tra và xử phạt các vi phạm về dữ liệu cá nhân, bao gồm việc lạm dụng dữ liệu từ giám sát điện tử. Ngoài ra, trẻ em và gia đình được quyền khiếu nại lên các cơ quan này nếu cho rằng quyền riêng tư bị xâm phạm. Một số quốc gia như

Pháp, Đức, Bỉ còn quy định rằng mọi quyết định giám sát điện tử trẻ vị thành niên đều phải có phán quyết của Tòa án Gia đình và thường xuyên được đánh giá lại về sự cần thiết [4], [5].

2.2.2. Hoa Kỳ

Hoa Kỳ là quốc gia sử dụng phổ biến giám sát điện tử trong hệ thống tư pháp hình sự, bao gồm cả người chưa thành niên. Tuy nhiên, từ những năm 2010, các tổ chức xã hội như American Civil Liberties Union (ACLU) và Human Rights Watch đã phản đối mạnh mẽ việc lạm dụng biện pháp này do ảnh hưởng xấu đến quyền riêng tư và tâm lý trẻ em [2], [7]. Trước sức ép đó, nhiều bang như California, Illinois, New York đã ban hành các quy định chặt chẽ nhằm kiểm soát biện pháp giám sát điện tử [2].

Việc áp dụng giám sát điện tử đối với người chưa thành niên phải trải qua đánh giá tác động đầy đủ từ phía tòa án và các chuyên gia tâm lý về khả năng ảnh hưởng đến quyền riêng tư, tâm lý và sự phát triển xã hội của trẻ. Luật nhiều bang quy định nghiêm cấm thu thập dữ liệu không cần thiết như các cuộc trò chuyện, mạng xã hội, thông tin gia đình. Dữ liệu về vị trí cũng chỉ được lưu trữ trong thời gian tối thiểu cần thiết và phải xóa sau khi hoàn thành việc giám sát. Trẻ em và người giám hộ có quyền được thông báo đầy đủ về mục đích, phạm vi và thời hạn giám sát, và có quyền từ chối hoặc yêu cầu chấm dứt khi không còn cần thiết [2], [7].

Mỗi bang thành lập Ủy ban Giám sát quyền trẻ em và các cơ quan tư pháp chịu trách nhiệm trực tiếp kiểm tra, giám sát việc áp dụng biện pháp này. Song song đó, các tổ chức phi chính phủ như ACLU tham gia giám sát độc lập, tổ chức các chiến dịch pháp lý để bảo vệ quyền riêng tư cho trẻ. Ngoài ra, nhiều tòa án yêu cầu việc giám sát điện tử phải kèm theo các chương trình hỗ trợ phục hồi, giáo dục và tư vấn tâm lý để đảm bảo trẻ không bị tổn thương thêm.

Nhờ các chính sách này, việc lạm dụng giám sát điện tử đối với trẻ em đã giảm đáng kể. Tỷ lệ trẻ bị áp dụng giám sát điện tử giảm ở nhiều bang; đồng thời những trẻ bị giám sát đều được hỗ trợ tâm lý và giáo dục, hạn chế tác động tiêu cực của biện pháp này [6].

2.2.3. Nhật Bản

Nhật Bản là quốc gia chú trọng đến các giải pháp phục hồi và giáo dục cho người chưa thành niên phạm pháp, thay vì chỉ tập trung vào hình phạt [8]. Việc áp dụng giám sát điện tử đối với trẻ em được quy định rất hạn chế và chỉ sử dụng khi không còn biện pháp thay thế phù hợp nhằm tránh ảnh hưởng xấu đến tâm lý, danh dự và quyền riêng tư của trẻ em [8].

Theo chính sách của Nhật Bản, giám sát điện tử chỉ được áp dụng sau khi có phán quyết của Tòa án Gia đình, với sự tham gia đánh giá của chuyên gia xã hội, tâm lý và pháp lý [8]. Dữ liệu thu thập được từ giám sát chỉ giới hạn trong thông tin về vị trí và di chuyển, tuyệt đối không được ghi âm, ghi hình hoặc thu thập thông tin liên lạc cá nhân. Thông tin thu thập sẽ bị xóa vĩnh viễn sau khi biện pháp giám sát kết thúc, không lưu trữ lâu dài để tránh ảnh hưởng về sau cho trẻ.

Giám sát điện tử được thực hiện bởi các đơn vị được chỉ định và chịu sự giám sát trực tiếp của Tòa án Gia đình. Đồng thời, các cơ quan bảo vệ quyền trẻ em và các nhóm chuyên gia tâm lý cũng có quyền tham gia kiểm tra, đánh giá hiệu quả và tác động của biện pháp này [8]. Đặc biệt, trẻ em và gia đình có quyền khiếu nại lên tòa án để yêu cầu chấm dứt giám sát nếu có bằng chứng cho thấy việc giám sát không còn cần thiết hoặc xâm phạm quyền riêng tư.

Nhật Bản đã giới hạn rất hiệu quả việc sử dụng giám sát điện tử với trẻ em. Biện pháp này chỉ được sử dụng trong trường hợp thực sự cần thiết và luôn đi kèm các biện pháp hỗ trợ phục hồi xã hội. Nhờ đó, Nhật Bản tránh được các hệ lụy tiêu cực như kỳ thị, tổn thương tâm lý, đồng thời vẫn đảm bảo hiệu quả quản lý xã hội [8].

2.3. Thực trạng pháp luật Việt Nam về bảo đảm quyền riêng tư đối với người chưa thành niên trong hoạt động giám sát điện tử

Pháp luật Việt Nam đã bước đầu ghi nhận và bảo vệ quyền riêng tư của người chưa thành niên, bao gồm cả trường hợp người chưa thành niên phạm tội. Các quy định pháp luật hiện hành thể hiện nguyên tắc tôn trọng, bảo vệ đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và thông tin cá nhân của trẻ em. Bộ luật

Dân sự năm 2015 khẳng định quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư; Luật Trẻ em năm 2016 quy định rõ về quyền được bảo vệ thông tin cá nhân, không bị thu thập, công khai khi chưa được đồng ý. Đối với người chưa thành niên trong quá trình tố tụng hình sự, Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2023 quy định các biện pháp ngăn chặn, trong đó có giám sát điện tử, đồng thời đảm bảo các nguyên tắc nhân đạo, tôn trọng quyền trẻ em. Bên cạnh đó, Luật An ninh mạng năm 2018 và Nghị định của Chính phủ số 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân cũng đặt ra các nguyên tắc chung về thu thập, xử lý, bảo mật thông tin cá nhân. Như vậy, pháp luật Việt Nam đã có những cơ sở pháp lý bước đầu để bảo vệ quyền riêng tư của người chưa thành niên phạm tội, nhất là trong bối cảnh áp dụng các biện pháp tư pháp như giám sát điện tử.

Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế, bất cập lớn làm ảnh hưởng đến hiệu quả bảo vệ quyền con người, nhất là quyền riêng tư của người chưa thành niên trong quá trình thực hiện biện pháp này:

Thứ nhất, pháp luật hiện hành thiếu các quy định chi tiết, cụ thể về giới hạn phạm vi thu thập và xử lý dữ liệu cá nhân của người chưa thành niên trong quá trình giám sát điện tử. Mặc dù Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Trẻ em năm 2016 đều ghi nhận quyền về bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, nhưng chưa có bất kỳ văn bản nào quy định rõ về phạm vi dữ liệu được phép thu thập khi thực hiện giám sát điện tử. Hiện nay, chưa có quy định pháp lý nào xác định rõ ràng những loại thông tin nào là bắt buộc và tối thiểu phải thu thập, và những loại thông tin nào bị cấm tuyệt đối nhằm bảo vệ đời sống riêng tư của người chưa thành niên.

Thứ hai, pháp luật Việt Nam chưa có quy định cụ thể về thời gian lưu giữ và quy trình xóa bỏ dữ liệu thu thập được từ thiết bị giám sát điện tử. Đây là khoảng trống nghiêm trọng khi xét đến nguyên tắc "giới hạn thời gian lưu giữ dữ liệu" mà các chuẩn mực quốc tế như GDPR của EU đã đặt ra [5]. Hiện không có quy định yêu cầu cơ quan giám sát điện tử phải xóa dữ liệu sau khi biện pháp kết thúc, hoặc giới hạn việc lưu giữ dữ liệu trong thời gian tối thiểu cần thiết cho mục đích tố tụng.

Thứ ba, hiện chưa có quy định về cơ chế giám sát độc lập nhằm kiểm tra, đánh giá việc thực hiện biện pháp giám sát điện tử đối với người chưa thành niên. Pháp luật chưa xác định cơ quan cụ thể nào có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, giám sát tính hợp pháp, hợp lý và minh bạch của việc áp dụng biện pháp giám sát điện tử, cũng như chưa có cơ chế kiểm tra việc thu thập, lưu trữ và xử lý dữ liệu giám sát.

Thứ tư, pháp luật chưa có quy định cụ thể về việc đảm bảo sự tham gia của người chưa thành niên và người giám hộ hợp pháp trong quá trình ra quyết định và thực hiện giám sát điện tử. Hiện nay, người chưa thành niên và gia đình không có quyền tham gia, thể hiện ý kiến về việc có nên áp dụng biện pháp giám sát điện tử hay không, cũng như không được tham vấn về phương thức, thời hạn, hoặc điều kiện giám sát.

Thứ năm, chưa có quy định về việc kết hợp giám sát điện tử với các biện pháp hỗ trợ tâm lý, giáo dục và phục hồi xã hội cho người chưa thành niên. Hiện nay, pháp luật chỉ coi giám sát điện tử như một biện pháp ngăn chặn về hình sự, mà không gắn kèm với các chương trình tư vấn, giáo dục hoặc các biện pháp xã hội giúp trẻ hòa nhập, phục hồi nhân cách. Điều này khiến giám sát điện tử có nguy cơ bị hiểu và áp dụng như một hình thức trừng phạt thay vì là biện pháp hỗ trợ giáo dục, ngăn ngừa tái phạm. Trong khi đó, các chuẩn mực quốc tế như Hội đồng châu Âu (2019) [4], ACLU (2018) [2], Human Rights Watch (2017) [7] đều khuyến cáo rằng giám sát điện tử đối với trẻ vị thành niên chỉ được phép thực hiện song song với các chương trình hỗ trợ chuyên biệt nhằm đảm bảo sự phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần cho trẻ.

2.4. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam đảm bảo quyền riêng tư cho người chưa thành niên trong quá trình giám sát điện tử

2.4.1. Xác lập giới hạn cụ thể phạm vi dữ liệu cá nhân được phép thu thập khi áp dụng biện pháp giám sát điện tử đối với người chưa thành niên

Để đảm bảo quyền riêng tư, pháp luật Việt Nam cần bổ sung các quy định rõ ràng về loại dữ liệu được phép và không được phép thu thập khi thực hiện giám sát điện tử. Cụ thể, cần sửa đổi, bổ sung Điều 38 Bộ luật Dân sự năm 2015 theo hướng quy định rõ ràng các loại dữ liệu tối thiểu có thể được thu thập khi

áp dụng giám sát điện tử với người chưa thành niên, giới hạn ở những dữ liệu liên quan trực tiếp đến kiểm soát hành vi như vị trí, khu vực di chuyển, thời gian xuất hiện. Đồng thời, phải nghiêm cấm thu thập những dữ liệu mang tính riêng tư, nhạy cảm không phục vụ trực tiếp cho mục đích tố tụng, chẳng hạn như nội dung các cuộc hội thoại, mạng xã hội, thông tin về bạn bè, mối quan hệ gia đình.

Bên cạnh việc sửa đổi Bộ luật Dân sự, cần bổ sung một điều khoản mới trong Luật Trẻ em năm 2016 quy định nguyên tắc bảo vệ dữ liệu cá nhân của trẻ em trong tình huống bị áp dụng biện pháp tư pháp, nhấn mạnh nghĩa vụ của cơ quan quản lý về giới hạn thu thập và yêu cầu giải trình về mục đích thu thập dữ liệu. Kinh nghiệm của Liên minh châu Âu với Quy định chung về bảo vệ dữ liệu (GDPR) cho thấy sự cần thiết của việc xác định giới hạn thu thập dữ liệu cá nhân, đặc biệt đối với đối tượng trẻ em, nhằm ngăn chặn việc lạm dụng, xâm phạm quyền riêng tư [5].

2.4.2. Quy định thời hạn lưu giữ và nghĩa vụ xóa bỏ dữ liệu cá nhân sau khi kết thúc biện pháp giám sát điện tử

Hiện tại, pháp luật Việt Nam chưa có bất kỳ quy định cụ thể nào về thời gian lưu giữ hay quy trình xóa bỏ dữ liệu được thu thập từ thiết bị giám sát điện tử. Để khắc phục khoảng trống này, cần bổ sung quy định cụ thể vào Luật An ninh mạng năm 2018 hoặc xây dựng một Nghị định riêng về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực tố tụng hình sự. Theo đó, cần quy định rõ rằng dữ liệu cá nhân thu thập từ thiết bị giám sát điện tử đối với người chưa thành niên chỉ được lưu giữ trong thời hạn thực hiện biện pháp và buộc phải xóa ngay sau khi kết thúc biện pháp.

Đồng thời, cần ghi nhận quyền của người chưa thành niên và người đại diện hợp pháp được tiếp cận, kiểm tra, yêu cầu xóa hoặc chỉnh sửa dữ liệu sai lệch. Kinh nghiệm của Hoa Kỳ và các quốc gia EU đều cho thấy tầm quan trọng của việc bảo vệ dữ liệu cá nhân thông qua quy định giới hạn thời gian lưu giữ, đảm bảo không để dữ liệu nhạy cảm bị lạm dụng hoặc tiết lộ sau này [2],[5].

2.4.3. Thiết lập cơ chế giám sát độc lập đối với hoạt động thu thập, xử lý và lưu giữ dữ liệu cá nhân trong quá trình giám sát điện tử đối với người chưa thành niên

Để bảo vệ hiệu quả quyền riêng tư của người chưa thành niên trong quá trình giám sát điện tử, Việt Nam cần thành lập một cơ quan giám sát độc lập với đầy đủ thẩm quyền và năng lực. Cơ quan này cần được giao trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, thanh tra toàn diện các hoạt động thu thập, xử lý và lưu giữ dữ liệu cá nhân phát sinh từ biện pháp giám sát điện tử. Để đảm bảo cơ sở pháp lý cho hoạt động của cơ quan này, cần nghiên cứu bổ sung quy định vào Luật Trẻ em năm 2016 hoặc xây dựng một đạo luật riêng về bảo vệ dữ liệu cá nhân với những quy định cụ thể về thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động.

Bên cạnh đó, cơ quan giám sát độc lập phải có thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết khiếu nại từ người chưa thành niên và gia đình họ về việc bị xâm phạm quyền riêng tư. Đồng thời, cần có quyền yêu cầu chấm dứt các hành vi vi phạm, xử lý trách nhiệm pháp lý đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm và ban hành các khuyến nghị, yêu cầu khắc phục khi phát hiện hành vi xử lý dữ liệu sai phạm. Kinh nghiệm của Liên minh châu Âu với Cơ quan Bảo vệ Dữ liệu (Data Protection Authorities - DPA) và các mô hình Ủy ban Giám sát quyền trẻ em tại các bang của Hoa Kỳ cho thấy vai trò quan trọng của một thiết chế độc lập nhằm đảm bảo thực thi quyền riêng tư hiệu quả và thực chất [5],[2]. Đây là những mô hình mà Việt Nam có thể tham khảo để thiết kế một cơ quan giám sát phù hợp với điều kiện pháp lý và xã hội trong nước.

2.4.4. Bảo đảm sự tham gia của người chưa thành niên và người giám hộ hợp pháp trong quá trình ra quyết định và thực hiện biện pháp giám sát điện tử

Pháp luật Việt Nam cần bổ sung quy định cụ thể trong Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2023 nhằm đảm bảo nguyên tắc tham vấn đầy đủ người chưa thành niên và đại diện hợp pháp trước khi quyết định áp dụng biện pháp giám sát điện tử. Quy định này cần đảm bảo trẻ và gia đình được cung cấp thông tin đầy đủ về mục đích, nội dung, phạm vi, thời gian giám sát cũng như quyền được phản đối hoặc yêu cầu điều chỉnh các điều kiện giám sát cho phù hợp với hoàn cảnh cá nhân. Việc tham vấn phải được thực hiện trước Tòa án có thẩm quyền và thể hiện bằng

biên bản. Đây là kinh nghiệm đã được thực hiện hiệu quả tại Nhật Bản, nơi mọi quyết định áp dụng giám sát điện tử với người chưa thành niên đều phải được phán quyết bởi Tòa án Gia đình sau khi có ý kiến tư vấn từ các chuyên gia tâm lý, xã hội [8].

2.4.5. Bổ sung quy định bắt buộc kết hợp giám sát điện tử với các biện pháp hỗ trợ tâm lý, giáo dục, phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng cho người chưa thành niên

Để bảo đảm quyền được tham vấn và thể hiện ý kiến của người chưa thành niên, pháp luật Việt Nam cần bổ sung quy định cụ thể trong Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2023. Quy định này cần khẳng định rõ nguyên tắc tham vấn đầy đủ đối với người chưa thành niên và người đại diện hợp pháp trước khi quyết định áp dụng biện pháp giám sát điện tử. Theo đó, người chưa thành niên và gia đình phải được cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan, bao gồm: mục đích, nội dung, phạm vi, thời gian giám sát, cũng như quyền được phản đối, yêu cầu điều chỉnh các điều kiện giám sát để phù hợp với hoàn cảnh cá nhân. Quy trình tham vấn này cần thực hiện trực tiếp tại Tòa án có thẩm quyền, bảo đảm công khai, minh bạch và lập thành biên bản làm căn cứ pháp lý cho việc ra quyết định. Kinh nghiệm của Nhật Bản cho thấy, việc đảm bảo tham vấn đầy đủ là yếu tố bắt buộc và đã được thực hiện hiệu quả, khi mọi quyết định áp dụng giám sát điện tử đối với người chưa thành niên đều phải do Tòa án Gia đình phán quyết, sau khi tham vấn ý kiến từ các chuyên gia tâm lý, xã hội để đánh giá tác động đến quyền và lợi ích của trẻ [8].

3. Kết luận

Giám sát điện tử là biện pháp nhân đạo thay thế tạm giam, nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức về bảo vệ quyền riêng tư của người chưa thành niên. Pháp luật Việt Nam hiện nay còn thiếu vắng các quy định cụ thể để bảo đảm quyền này. Do đó, việc hoàn thiện khung pháp lý nhằm giới hạn thu thập dữ liệu, quy định rõ thời gian lưu giữ, thiết lập cơ chế giám sát độc lập và đảm bảo sự tham gia của người chưa thành niên là yêu cầu cấp thiết để cân bằng giữa mục tiêu quản lý xã hội và bảo vệ quyền con người.

Tài liệu tham khảo

[1] VnEconomy (2024), *Từ năm 2028 sẽ giám sát điện tử với người chưa thành niên phạm tội*, nguồn: https://vneconomy.vn/tu-nam-2028-se-giam-sat-dien-tu-voi-nguoi-chua-thanh-nien-pham-toi.htm.

[2] American Civil Liberties Union (2018), *Rethinking electronic monitoring: A human rights perspective (tạm dịch: Suy ngẫm lại về giám sát điện tử: Góc nhìn quyền con người)*, nguồn: https://www.aclu.org/issues/privacy-technology/surveillance-technologies/rethinking-electronic-monitoring.

[3] Beyens, K., & Kaminski, D. (2013), *Is there a right way to do electronic monitoring? (tạm dịch: Suy ngẫm lại về giám sát điện tử: Góc nhìn quyền con người?)*, European Journal of Probation, 5(1), 3–20, nguồn: https://doi.org/10.1177/2066220313492972.

[4] Council of Europe (2019), *Guidelines of the Committee of Ministers of the Council of Europe on child-friendly justice (tạm dịch: Nguyên tắc cốt lõi trong Hướng dẫn của Ủy ban Bộ trưởng Hội đồng Châu Âu về Tư pháp thân thiện với trẻ em)*, Council of Europe Publishing, Strasbourg, nguồn: https://rm.coe.int/16804b2cf3.

[5] European Union. (2016), *Regulation (EU) 2016/679 of the European Parliament and of the Council of 27 April 2016 on the protection of natural persons with regard to the processing of personal data and on the free movement of such data (General Data Protection Regulation) (tạm dịch: Quy định (EU) 2016/679 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng ngày 27 tháng 4 năm 2016 về việc bảo vệ các cá nhân liên quan đến việc xử lý dữ liệu cá nhân và về việc tự do lưu chuyển dữ liệu đó (Quy định chung về bảo vệ dữ liệu – GDPR))*, Official Journal of the European Union, L119, 1–88, nguồn: https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX%3A32016R0679.

[6] Farabee, D. (2018), *Electronic monitoring of offenders: A critical review of the research evidence (tạm dịch: Giám sát điện tử đối với người phạm tội dựa trên bằng chứng nghiên cứu)*, Criminal Justice and Behavior, 45(10), 1457–1473, nguồn: https://doi.org/10.1177/0093854818784319.

[7] Human Rights Watch (2017), *Electronic ankle monitors as alternatives to detention: Human rights concerns (tạm dịch: Vòng giám sát điện tử đeo ở mắt cá chân như một biện pháp thay thế giam giữ: Những quan ngại về quyền con người),* nguồn: https://www.hrw.org/report/2017/09/06.

[8] Muncie, J. (2009), *Youth and crime (3rd ed.) (tạm dịch: Thanh thiếu niên và tội phạm (Ấn bản lần thứ 3))*, SAGE Publications, London.

[9] Nellis, M. (2015), *Standards and ethics in electronic monitoring: The European experience (tạm dịch: Các tiêu chuẩn và đạo đức trong giám sát điện tử: Kinh nghiệm từ châu Âu)*, European Journal of Probation, 7(1), 3–20, nguồn: https://doi.org/10.1177/2066220315579628

[10] United Nations. (1948), *Universal Declaration of Human Rights (UDHR). Adopted and proclaimed by General Assembly resolution 217 A (III) (tạm dịch: Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền (UDHR). Được Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua và công bố theo Nghị quyết 217 A (III))*, nguồn: https://www.un.org/en/about-us/universal-declaration-of-human-rights.